

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-PT

Ngày: 13/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Phạm Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 09/2018/TLPT-HS ngày 25/01/2018 đối với các bị cáo Bùi Thị Thúy H và Bùi Thị A. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thị Thúy H, sinh năm 1987; tên gọi khác: Không.

ĐKHKT và chỗ ở: Phường Y, thành phố L, tỉnh Q; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Bùi Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L; chồng là Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; có 1 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Tại ngoại, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bùi Thị A, sinh năm 1983; tên gọi khác: Không.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Bùi Khắc U và bà Bùi Thị Y; chồng là Nguyễn Đức N, sinh năm 1981; có 2 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Tại ngoại, có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1981; tên gọi khác: Không.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Đình G và bà Lê Thị I (đã chết);

chồng là Vũ Văn M, sinh năm 1982; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty X.

Địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty X trụ sở tại xã E, huyện K, tỉnh Hải Dương ký hợp đồng mua ngô hạt đóng bao xuất xứ Nam Mỹ của Công ty S; địa chỉ: Phường F, quận Y, thành phố Hà Nội để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Theo hợp đồng, hàng giao tại kho của bên mua trên phương tiện bên bán; bên mua có trách nhiệm thanh toán sau từng đợt giao hàng đã xuất hóa đơn. Công ty S ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa với Công ty Đ, địa chỉ: Thành phố Hải Phòng, theo đó: Bên vận chuyển phải chịu trách nhiệm về hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lái xe được giao vận chuyển hàng có trách nhiệm quản lý hàng, nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng thì phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Khoảng cuối tháng 6/2014, Nguyễn Thị B (là thủ kho nguyên liệu) biết Công ty X sẽ điều chuyển sang làm thủ kho thành phẩm nên bàn với Bùi Thị Thúy H (là nhân viên phụ trách bàn cân) và Bùi Thị A (là nhân viên kiểm tra chất lượng) về việc sẽ câu kết với lái xe chiếm đoạt tài sản là hàng ngô hạt trên đường vận chuyển, H và A đồng ý. Nên khi xe đến giao hàng qua bàn cân, H ghi đúng với trọng lượng hàng trên phiếu cân tại cảng; A lấy mẫu hàng nguyên liệu trên xe ô tô để kiểm tra chất lượng, không báo công ty khi phát hiện xe thiếu hàng.

Ngày 29/6/2014, lái xe ô tô đầu kéo biển số 15C-009.91 là Trịnh Doãn C cùng với phụ xe là Nguyễn Thanh V của Công ty Đ đến giao hàng ngô tại Công ty X. B cho lái xe số điện thoại 0942476589 và bảo “khi nào trả hàng cho công ty thì xuống được 5 tấn” tức là lần sau có giao hàng ngô thì bán bớt 5 tấn ngô trên đường vận chuyển để lấy tiền chia nhau; lái xe đồng ý, nói giá ngô 5.000 đồng/kg và thỏa thuận tiền bán được chia đôi.

Tối ngày 13/7/2014, lái xe C gọi điện cho B báo ngày 14/7/2014 sẽ giao hàng ngô hạt cho Công ty X và bảo “Em xuống quá thành 10 tấn rồi”, B đồng ý. Sáng ngày 14/7/2017, khi xe 15C-009.91 đỗ ngoài cổng Công ty X chờ vào cân thì A ra xe lấy mẫu hàng ngô để đem đi kiểm nghiệm và ghi các thông tin: Biển số xe, loại hàng, trọng lượng hàng theo phiếu cân hàng tại cảng. Lái xe gặp B đưa cho B 25.000.000 đồng (chia đôi từ số tiền bán bớt 10 tấn ngô hạt trên xe 15C-009.91). Khoảng 7 giờ

cùng ngày, C điều khiển xe 15C-009.91 vào cân trọng lượng tổng (cả hàng và xe) và đưa cho H phiếu cân hàng nhận tại cảng, rồi giao hàng tại kho nguyên liệu của Công ty X. Trong lúc công nhân bốc hàng xuống kho, B bảo A: “Chiếc xe trên đã bán bớt hàng”, A đồng ý. Sau khi giao hàng xong, không biết lái xe đi đâu. Anh V (phụ xe) điều khiển xe ra cân trọng lượng bì (cân xe), H nhập các thông tin: Biển số xe, mặt hàng và in phiếu cân có số liệu “trọng lượng bì”, rồi dùng bút ghi số liệu "trọng lượng tổng" là 85.420kg và "trọng lượng hàng" là 69.420kg (bằng trọng lượng nhận tại cảng). Sau đó, H chuyển phiếu cân hàng nhập trên cho chị Lê Thị Phương E (Chị E mới chuyển từ thủ kho thành phẩm sang làm thủ kho nguyên liệu từ đầu tháng 7/2014) lập phiếu nhập kho. Công ty X đã thanh toán chuyển hàng ngô trên cho Công ty S theo trọng lượng hàng ghi trên phiếu cân hàng nhập mà các đối tượng đã câu kết hợp thức hóa. Số tiền 25.000.000 đồng, B chia cho H 10.000.000 đồng, A 5.000.000 đồng còn B được 10.000.000 đồng.

Ngày 01/8/2014, Công ty X tiến hành kiểm kê hàng tại kho nguyên liệu, phát hiện hàng ngô hạt đóng bao bị thiếu 152.483kg so với số liệu theo dõi trên sổ sách, đã làm đơn trình báo Công an huyện K.

Kết luận định giá tài sản số 68b/KL-HĐĐG ngày 03/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Ngô hạt đóng bao xuất xứ Nam Mỹ, trị giá 6.300 đồng/kg, 10.000kg trị giá 63.000.000 đồng.

Cơ quan Điều tra quản lý các phiếu cân hàng nhập ngày 14/7/2014 (của xe biển số 15C-009.91); 01 case máy vi tính của bộ phận cân hàng. Tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên các phiếu cân hàng nhập; trưng cầu khôi phục dữ liệu liên quan đến việc cân hàng. Kết luận giám định số 03/KLGD ngày 23/11/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết tay và chữ ký tại mục "người cân" trên các phiếu cân hàng nhập trên và chữ viết, chữ ký của Bùi Thị Thúy H là do cùng một người viết, ký ra. Kết luận giám định số 6517/C54-P5 ngày 19/01/2015 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát khôi phục và trích xuất dữ liệu trong case máy vi tính của bộ phận cân hàng Công ty X: không có dữ liệu phiếu cân hàng nhập của ngày 14/7/2014 trong phần mềm cân hàng.

Giai đoạn điều tra, các bị cáo đã giao nộp 25.000.000 đồng: B và H mỗi người 10.000.000 đồng, A 5.000.000 đồng (bằng số tiền được chia).

Đối với điện thoại di động của B, H sử dụng phạm tội và case máy vi tính của Công ty X, đã được xử lý trong vụ án khác. Công ty X yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 10 tấn ngô hạt không thu hồi được.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, H và A đã nộp tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K: H 13.000.000 đồng; A 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi như đã nêu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân (Viết tắt: TAND) huyện K đã tuyên bố các bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS) với cả ba bị cáo; áp dụng thêm: Điều 47 đối với H và A; Điều 50; Điều 51 BLHS đối với B và H phạt: Nguyễn Thị B 26 tháng tù; tổng hợp hình phạt 30 tháng tù theo bản án số 34/2017/HSST ngày 31/7/2017 của TAND huyện K; bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 56 tháng tù. Bùi Thị Thúy H 18 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù theo bản án số 34/2017/HSST ngày 31/7/2017 của TAND huyện K; bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 39 tháng tù và phạt Bùi Thị A 16 tháng tù. Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2017, bị cáo A kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 22/9/2017, bị cáo H kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo A khai: Bị cáo không biết nội dung bàn bạc giữa B và H nhưng bị cáo có được B nói sẽ lấy hàng nguyên liệu của Công ty và bị cáo chỉ bảo tùy chị; bị cáo không biết B đã lấy hàng gì, số lượng bao nhiêu nhưng khi B đưa 5.000.000 đồng, bị cáo hiểu đó là tiền do B lấy trộm hàng. Bị cáo hối hận và ngay sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu luận tội: Phân tích đánh giá tính chất vụ án, vai trò đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H; chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, áp dụng khoản 1 và 2 Điều 60 BLHS cho bị cáo A hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt: BLTTHS) trong việc điều tra, truy tố và xét xử đối với các bị cáo. Bị cáo H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa; bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 351 BLTTHS.

[2]. Về nội dung: Lời khai của bị cáo A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Thị B (là thủ kho nguyên liệu), Bùi Thị Thúy H (nhân viên bàn cân), Bùi Thị A (nhân viên kiểm tra chất lượng) của Công ty X và Trịnh Doãn C lái xe biển

kiểm soát 15C-009.91 của Công ty Đ được giao quản lý hàng ngô hạt trên đường vận chuyển. Do có thỏa thuận trước về việc lái xe chở hàng bán bớt ngô hạt trên đường vận chuyển với giá 5.000đồng/kg lấy tiền chia nhau. Lái xe đã bán 10 tấn ngô hạt được 50.000.000đồng và báo lại cho B. Khi đến kho cân hàng tại Công ty X (xã E, huyện K, tỉnh Hải Dương) vào sáng ngày 14/7/2017, để che giấu hành vi chiếm đoạt tài sản, B, H và A đã gian dối lập chứng từ cân hàng, nhập kho bằng trọng lượng hàng được giao trước đó cho lái xe của Công ty Đ biển số 15C-009.91 tại kho của bên bán hàng. Công ty X không biết việc hàng bị thiếu so với hợp đồng nên đã thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán. Giá trị tài sản chiếm đoạt (10 tấn ngô hạt) bằng 63.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trên 50 triệu đồng thuộc khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định hình phạt với các bị cáo là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo H là nhân viên phụ trách bàn cân, bị cáo A là nhân viên kiểm tra chất lượng; lợi dụng vị trí công việc được giao. Bị cáo B là thủ kho nguyên liệu trao đổi nội dung thông đồng cùng lái xe chở hàng sẽ bán hàng trước khi giao hàng và bị cáo H tiếp nhận ý trí đã hợp lý hóa để hàng được nhập kho theo đúng trọng lượng giao hàng tại cảng lấy tiền chia nhau. Bị cáo A là người kiểm tra chất lượng biết nhưng không báo cáo Công ty. Bị cáo B nhận tiền trực tiếp từ lái xe và chia nhau hưởng lợi, B và H được hưởng ngang nhau với số tiền 10.000.000 đồng còn A được hưởng 5.000.000 đồng. Trình bày của bị cáo A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo B có trong hồ sơ; có nghĩa là bị cáo A không biết việc bàn bạc giữa B và H, chỉ biết duy nhất hành vi chiếm đoạt ngô hạt ngày 14/7/2014 của B do trước đó, B có nói chuyện với A về việc sẽ lấy hàng của Công ty X. Như vậy, H là nhân viên bàn cân khi nhập hàng đã hợp lý hàng nhập kho; số tiền được chia 10.000.000 đồng ngang bằng với B. Bị cáo A tiếp nhận ý trí của B và được chia 5.000.000 đồng. Hành vi của H và A độc lập với nhau và cùng đồng phạm với B; vai trò đồng phạm của H được đánh giá cao hơn so với A. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, H và A đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo A có bố đẻ là Thương binh 4/4, là người có công được Nhà nước tặng thưởng: Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Các tình tiết giảm nhẹ trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng và áp dụng Điều 47 BLHS phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với các bị cáo có phần nghiêm khắc nên HĐXX giảm hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo H, ngày 31/7/2017 đã bị tòa án xét xử và phải chịu hình phạt tù về hành vi tương tự xảy ra ngày 11/7/2014, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án sẽ tổng hợp hình phạt theo quy định.

Đối với bị cáo A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; lần đầu phạm tội; tại các phiên tòa thể hiện sự ăn năn, hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đồng thời, căn cứ vào tính chất đồng phạm của bị cáo, HĐXX chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự quản lý giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[4]. Đối với bị cáo B không kháng cáo. Tuy nhiên, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ và cũng để đảm bảo tính công bằng, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước, HĐXX xem xét áp dụng Điều 47 BLHS giảm một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng.

[5]. Về án phí: Các bị cáo H và A kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Thúy H và Bùi Thị A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương, như sau:

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 50; Điều 51 BLHS:

- Phạt: Nguyễn Thị B 21 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù theo bản án số 34/2017/HSST ngày 31/7/2017 của TAND huyện K; buộc Nguyễn Thị B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 51 (năm mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Phạt: Bùi Thị Thúy H 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù theo bản án số 34/2017/HSST ngày 31/7/2017 của TAND huyện K; buộc Bùi Thị Thúy H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; khoản 1 và 2 Điều 60 BLHS:

Phạt: Bùi Thị A 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Bùi Thị A cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Bùi Thị A nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2011/0004654 ngày 18/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo H và A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/3/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở Tư pháp;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường